TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNST
Ngày: 17/4/2018
V/v:"Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tiền
2. Ông Nguyễn Thanh Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành - Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc: ***"Xin ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bùi Thái D, sinh năm 1993 (Có mặt).
Nơi cư ngụ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Cà Mau

* Bị đơn: Nguyễn Phúc L, sinh năm 1988.
Nơi cư ngụ: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Bến Tre.
(Anh L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2018, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thái D trình bày:

Chị D kết hôn với anh L vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã E, huyện F, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2016. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc thời gian đầu khoảng một năm. Đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do tính tình chị D, anh L không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Gia đình bên anh L khó khăn. Vợ chồng thường cải vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2016 đến nay. Từ tháng 7/2016 đến nay chị D đã về nhà cha mẹ ruột sống. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh L.

Về tài sản chung, con chung, nợ chung: không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2018, anh Nguyễn Phúc L trình bày: Anh L kết hôn với chị D vào năm 2016, trên cơ cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E,

huyện F tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn. Cuối năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai bên không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016, chị D đã về nhà cha mẹ ruột ở Cà Mau sống cho đến nay. Nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Chị D xin ly hôn, anh L đồng ý. Do đi làm ăn ở xa, anh L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Anh L được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý và Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án không tiến hành hòa giải được đối với anh L. Tòa án đã công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải không được đối với anh L và đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Phúc L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L tự nguyện kết hôn vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã E cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Đến giữa năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D, anh L trình bày là do cả hai không phù hợp về tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên bản làm việc xác minh của Tòa án ngày 28/3/2018 đối với anh Nguyễn Khắc L là anh ruột của anh Nguyễn Phúc L cho thấy: Quan hệ hôn nhân và thực tế cuộc sống vợ chồng của chị D, anh L đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng chị D, anh L đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Đời sống chung của chị D, anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D đã cương quyết xin ly hôn với anh L. Do vậy, yêu cầu xin được ly hôn của chị D là có cơ sở, cần xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp Điều 56 Luật HNGĐ.

[3] Về tài sản chung, con chung, nợ chung: Hai bên khai không có.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị D, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thái D đối với anh Nguyễn Phúc L.

Chị Bùi Thái D được ly hôn với anh Nguyễn Phúc L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị D, anh L không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên ghi nhận.

2. Về tài sản chung, con chung, nợ chung: Hai bên khai không có.

3. Về án phí:

Án phí HNST: Chị D phải nộp là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0015761 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* ***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Các bên đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Thành Triệu;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Thị Phượng